

Combat Trenches



Chiến Hào

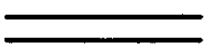


Interrupted Combat Trenches

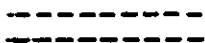


Chiến Hào Không Liên Tục

Communications Trenches,
Underground Commo Trench



Giao Thông Hào, Giao Thông Hào
Địa Đạo



Automatic Weapons Emplacement



Ô Súng Máy

Square Individual Emplacement



Hố Cá Nhân Hình Vuông

Round Individual Emplacement



Hố Cá Nhân Hình Tròn

Two Meter High Mound



Mô Đất Cao 2 Thước

Anti-Tank Artillery



Bại Bác Chống Chiến Xa

Concentrated Gun Emplacement



Ô Súng Tập Trung

Warning Cell



Tổ Báo Động

Mortar Emplacement



Ô Súng Cối

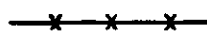
Radar



Radar

4. Obstacles Các Chướng Ngại Vật

Barbed Wire Fence (Large Scale)
or Cratered Road (Medium Scale)

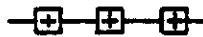


Hàng Rào Kẽm Gai (Tỷ Lệ Lớn)
hoặc Đường Gõ Ghè (Tỷ Lệ Trung)

Barbed Wire



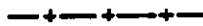
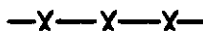
Dây Kẽm Gai



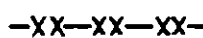
Single Strand Barbed Wire



Dây Kẽm Gai Một Tao



Double Strand Barbed Wire



Dây Kẽm Gai Hai Tao

Double Strand Barbed Wire



Dây Kẽm Gai Hai Tao



Three or More Strand Barbed Wire

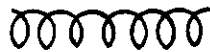


Dây Kẽm Gai Ba Tao

Concertina Barbed Wire



Dây Kẽm Gai Hình Ống

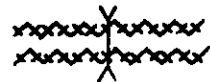


Gate or Opening In a Fence



Cổng Hoặc Lối Ra Vào Nơi Có Hàng Rào

Breach Through Barbed Wire



Lỗ Hổng Qua Hàng Rào Kẽm Gai

Anti-Assault Trench



Hào Chống Xung Phong

Spike Pit



Hầm Chông

Spike Field



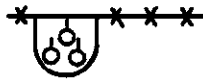
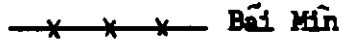
Bãi Chông

Minefield



Bãi Mìn

Minefield



Anti-Tank Minefield



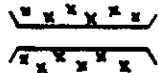
Bãi Mìn Chống Chiến Xe

Combined Minefield



Bãi Mìn Hỗn Hợp

Pathway Through Barbed Wire or Minefield



Lối Đi Qua Hàng Rào Kẽm Gai hoặc Bãi Mìn

Artillery Grater



Hố Đạn (Pháo Bình) Đại Bác

Yellow Circle is Area To Be Raided By Enemy With the Use of Chemical Products










Điểm Tròn Màu Vàng Là Nơi Địch Sẽ Tập Kích Bằng Chất Hóa Học

Dug-Up Road






Đường Bị Đào Phá

5. Communications **Thông Tin Và Liên Lạc**

Telecommunications Facility		Phòng Tiện Viễn Thông
Radio Station		Đài Phát Thanh
Radio Receiver		Đài Thu Thanh
2 Watt Radio		Máy Phát Thanh 2 Watt
15 Watt Radio (GRC9)		Máy Phát Thanh 15 Watt
Switchboard		Tổng Đài
Telephone Set and Wire		Máy Điện Thoại và Hệ Thống Giây

6. Material **Quân Dụng**

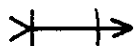
Automatic Rifle		Súng Tự Động
Machinegun		Súng Liên Thanh
		

Machinegun



Súng Liên Thanh

Heavy Machinegun



Súng Liên Thanh Nặng



Machinegun With Bipod Mount



Súng Máy Có Chân Hai Càng

Light Grenade Launcher

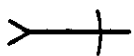


Súng Phóng Lựu Nhe

Heavy Grenade Launcher



Súng Phóng Lựu Nặng

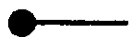


90mm Grenade Launcher



Súng Phóng Lựu 90 ly

40mm Rocket Launcher



Súng Phóng Hỏa Tiên 40 ly

90mm Rocket Launcher



Súng Phóng Hỏa Tiên 90 ly

Anti-Tank Gun



Súng Chống Chiến Xa

Anti-Tank Gun



Súng Chống Chiến Xa



Recoilless Rifle



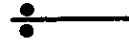
Súng Không Giật



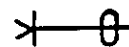
57mm Recoilless Rifle
or 75mm Recoilless Rifle



Súng Không Giật 57 ly hoặc 75 ly



75mm Recoilless Rifle



Súng Không Giật 75 ly



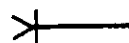
Rocket




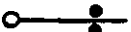










Hỏa Tiễn

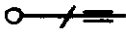













57mm Long Barrel Anti-Tank Gun



Súng Chống Chiến Xa 57 ly Nòng
Dài

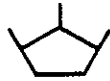
57mm Long Barrel Anti-Tank Gun		Súng Chống Chiến Xe 57 ly Nòng Dài
76mm Mountain Artillery Gun		Sơn Pháo 76 ly
75mm Mountain Artillery Gun		Sơn Pháo 75 ly
75mm Long Barrel Artillery Gun		Đại Bác 75 ly Nòng Dài
85-100mm Long Barrel Artillery Gun		Đại Bác 85-100 ly, Nòng Dài
		
100-152mm Long Barrel Artillery Gun		Đại Bác 100-152 ly, Nòng Dài
		Đại Bác 85 ly Nòng Dài
85mm Long Barrel Artillery Gun		Đại Bác 85 ly Nòng Dài
		Đại Bác 85 ly Nòng Dài
85mm Long Barrel Howitzer		Đại Bác 85 ly Nòng Dài
		Đại Bác 75 ly Nòng Ngắn
75mm Howitzer		Đại Bác 75 ly Nòng Ngắn
		Đại Bác 122-152 ly Nòng Ngắn
122-152mm Howitzer		
		

Howitzer Heavier Than 152mm		Đại Bác Cổ Lớn Trên 152 ly
Long Barrel Howitzer Heavier Than 152mm		Đại Bác Cổ Lớn Trên 152 ly Nòng Dài
Artillery (General)		Trọng Pháo (Tổng Quát)
		
		
Dummy Gun		Súng Giả
Anti-Aircraft Gun		Súng Phòng Không
Bazooka		Súng Bazooka
Mountain Gun		Sơn Pháo
60mm Mortar		Súng Cối 60 ly
		
81mm Mortar		Súng Cối 81 ly

81mm Mortar



Súng Cối 81 ly



105mm and 106mm Mortar



Súng Cối 105, 106 ly

120mm Mortar



Súng Cối 120 ly



Mortar Heavier Than 120mm



Súng Cối Cỡ Lớn Trên 120 ly

Heavy, Medium, and
Light Mortar



Súng Cối Cỡ Nặng Trung và Nhe



Atomic Mortar



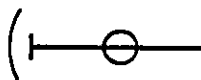
Đại Bác Nguyên Tử

Single Barrel Rocket Launcher



Súng Phóng Hỏa Tiên Một Nòng

Artillery



Pháo Bình

Modified Shell To Be Fired As Mortar



Trái Bắn Được Biến Cải Để Bắn Như Súng Cối

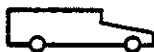
Flamethrower



Súng Phun Lửa



Cargo Truck



Xe Chở Hàng

Bus



Xe B buýt

Gasoline Tank Truck



Xe Chở Xăng

Civilian Vehicle



Xe Dân Chính



Armored Cars



Thiết Giáp Xe



Boat



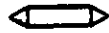
Thuyền Tàu

Boat



Thuyền Tàu

Tank



Chiến Xa

Tank or M113



Chiến Xa hoặc Xe Lội Nước M 113



M113



Xe Lội Nước M 113



Tank Leading Self-Propelled Artillery

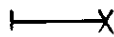


Chiến Xa Hướng Dẫn Pháo Binh Cơ Động

Helicopter



Máy Bay Trực Thăng



Helicopter



Máy Bay Trực Thăng

Single-Engine Aircraft



Máy Bay Một Động Cơ



Multi-Engine Aircraft



Máy Bay Nhiều Động Cơ



Jet

Phản Lực Cơ



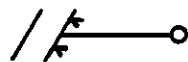
Plane

Phi Cơ



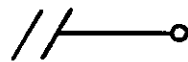
Propeller-Type Bomber

Oanh Tạc Cơ Có Chong Chóng



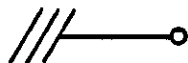
Jet Bomber

Oanh Tạc Cơ Phản Lực



Long Range Bomber

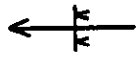
Oanh Tạc Cơ Có Tâm Bay Lm



Fighter Aircraft

Khu Trục Cơ Chiến Đấu

Jet Fighter



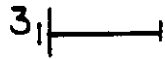
Khu Trục Phản Lực Cơ

Aircraft Loaded With Guided Rockets



Phi Cơ Có Gắn Hỏa Tiễn Điều Khiển

Aircraft Equipped With Radar



Phi Cơ Có Trang Bị Máy Radar

Radar



Radar



Searchlight












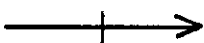

Đèn Rọi

Mine (Water)



Thủy Lô

7. Fire, Maneuver and Control Tác Xạ, Điều Quân và Kiểm Soát

Harassment Fire		Bắn Quấy Rối
Direct Fire		Bắn Trực Tiếp
Concentration Fire		Bắn Tập Trung
Un-Aimed Fire		Bắn Phóng Chững
Linear Target Firing		Bắn Thẳng Vào Bia
Interdiction Artillery Fire		Bắn Cận (P.B.)
Artillery Fire Toward The Battleground		Bắn Về Phía Chiến Trường Trận Địa
Cavalry Column		Kỵ Binh Hàng Dọc
Infantry Column		Bộ Binh Hàng Dọc
Infantry Column (Company)		Bộ Binh Hàng Dọc (Đại Đội)
Infantry Column (Battalion)		Bộ Binh Hàng Dọc (Tiểu Đoàn)

Infantry Column With Command Post		Bộ Binh Hàng Dọc và Bộ Chỉ Huy
Motorized Infantry Convoy		Đoàn Xe Bộ Binh Cơ Vận
Convoy		Đoàn Xe
Infantry With Artillery Column		Bộ Binh Có Đại Bác Hàng Dọc
Train-Mounted Infantry		Bộ Binh Chở Trên Xe Hỏa
Motorcycle (Infantry) Mountain Column		Đội Hình Bộ Binh Trên Mô Tô Leo Núi
Infantry Column Mounted on APCs		Đội Hình Bộ Binh Chở Trên Thiết Vận Xa
Truck-Mounted Infantry and Tank Column		Quân Xa Chở Bộ Binh và Đội Hình Chiến Xa Hàng Dọc
Tank-Mounted Infantry Column		Đội Hình Hàng Dọc Đoàn Chiến Xa Chở Bộ Binh
Infantry on APCs and Tank Column		Thiết Xa Chở Bộ Binh và Đội Hình Chiến Xa Hàng Dọc
Self-Propelled Artillery Column		Đội Hình Hàng Dọc Đoàn Pháo Binh Cơ Động
Artillery-Flanked Infantry Column		Đội Hình Bộ Binh Hàng Dọc Đi Giữa Đoàn Xe Pháo Binh Hai Bên Hồng

Artillery With Light
Anti-Aircraft Weapons



Pháo Binh có Trang Bị Súng
Phòng Không Nhẹ

Self-Propelled Mortar
Column



Đội Hình Hàng Dọc Đoàn
Súng Cối Cơ Động

Tank Column



Đội Hình Chiến xa Hàng Dọc

Infantry Reconnaissance
Team #26



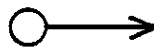
Toán Thăm Sát Bộ Binh #26

Warning Patrol Team



Toán Tuần Tiễu và Báo Động

Dismounted Forward Section



Phân Đội Bộ Binh Tiên Phong

Motorcycle-Mounted
Forward Section



Phân Đội Xe Mô Tô Tiên Phong

Advance to Combat Area



Tiến Tới Khu Vực Tác Chiến

Advance to Combat Area
Along With Tanks



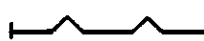
Tiến Tới Khu Vực Tác Chiến
có Chiến xa Hộ Vệ

Advance Under Enemy
Artillery Fire



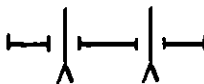
Tiến Quân Dưới Làn Tác xạ
Pháo Binh của Địch

Safe Advance



Tiến Quân An Toàn

Anti-Tank Artillery
Advance



Tiến Quân của Đại Bác
Chống Chiến xa

Tank Leading Infantry



Chiến Xa Hướng Dẫn Bộ Binh

Tank Leading Self-Propelled Artillery



Chiến Xa Hướng Dẫn Pháo Binh Cơ Động

Infantry Combat Advance



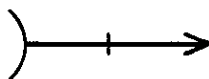
Tiến Quân Của Bộ Binh Chiến Đấu

Squad



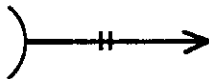
Tiểu Đội

Platoon



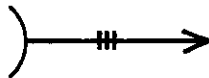
Trung Đội

Company



Đại Đội

Battalion



Tiểu Đoàn

Regiment or Division



Trung Đoàn Hoặc Sư Đoàn

Three Companies in a Battalion in Combat Advance Formation



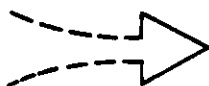
Đội Hình Tiến Quân Của 3 Đại Đội Trong Một Tiểu Đoàn Tác Chiến

Infantry Advance Direction



Hướng tiến Quân của Bộ Binh

Main Attack Direction



Hướng Tấn Công Chính

Long Range Penetration

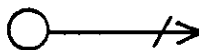


Xâm Nhập Tầm Xa

Long Range Penetration



Xâm Nhập Tầm Xa

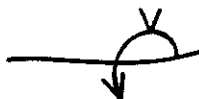


Halt



Dừng Lại Thời Gian Nghỉ

Withdrawal of Troops
From Secured Positions
to the Rear



Rút Quân Từ Vị Trí An Toàn Tới
Hậu Cứ

Withdrawal



Rút Lui

Attack Checked



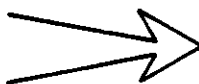
Kiểm Soát Lúc Tấn Công

Attack Checked and
Forced to Withdraw



Kiểm Soát Lúc Tấn Công và Buộc
Phải Rút Lui

Prong of Attack



Mũi Tấn Công

Battalion Position



Vị Trí Chiến Đấu Tiêu Đoàn

Front of Infantry
Secured Position



Mặt tiền của Vị Trí An Toàn Bộ
Binh

Direction of Withdrawal



Hướng Rút Quân

Formation of Deployment



Đội Hình Dàn Quân

Deployment of M113



Dàn Quân của Thiết Xa M113

Armor Infantry Team



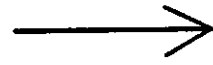
Toán Thiết Giáp Bộ Binh

Main Attack Force



Lực Lượng Tấn Công Chính

Secondary Attack Force



Lực Lượng Tấn Công Phụ

Main Direction of Defense



Hướng Phòng Thủ Chính

Secondary Direction of Defense



Hướng Phòng Thủ Phụ

Base of Activity



Căn Cứ Hoạt Động

Position to be Secured



Vị Trí Cần Bảo Vệ An Toàn

Position to be Secured by the 210th Infantry



Vị Trí Cần Được Đơn Vị 210 Bộ Binh Bảo Vệ

Position to be Secured by 210th Infantry with Artillery



Vị Trí Cần Được Đơn Vị Bộ Binh 210 và Pháo Binh Bảo Toàn

VC GRIDS AND GRID COORDINATES

1. The Paris Geographic Grid is generally found on VC maps of 1:400,000 scale and smaller. This grid can be identified by the small "G" used instead of "o" for degrees. The Paris Grid is based on the grad system with 400 grads in a circle, whereas the Greenwich Geographic Grid is based on the degree system with 360 degrees in a circle.

2. The Greenwich Geographic Grid on VC maps often has the aid of discontinuous lines outside the sheet lines of the map. These discontinuous lines are bar scales denoting distance in minutes.

3. The VC Grid found on VC maps which is similar to the UTM has the following characteristics:

a. The 100,000-meter grid squares are identified as indicated in red on the accompanying graphic and cover the same geographic area (plus or minus 5,000 meters) as the UTM identification indicated in blue within the same grid square.

b. The portion of the grid coordinate identifying a "Reading to the Right" (or "To the East") is prefixed by a three-digit number. The portion of the grid coordinate identifying "Reading Up" (or "To the North") is prefixed by a two or one-digit number. An example of a grid coordinate is 18559700 10⁶4300; whereas, the grid coordinate taken from a UTM Grid would be WR 59700064300.

c. Even if the identification of the 100,000-meter grid square is known, the VC Grid coordinates cannot be converted to UTM simply by changing to the UTM identification of the 100,000-meter grid square. Most VC maps are based on old, inaccurate French maps.

d. On VC maps of CTZ I and vicinity this VC Grid (and the Greenwich Geographic Grid) are offset diagonally approximately 1,400 meters to the northwest on an azimuth of 325°; however, the distance of offset and azimuth vary in other areas. The distance of offset and azimuth are not needed if VC maps are available and have value only when plotting the VC Grid coordinates on old French source maps which have the UTM Grid and are the same scale and area.

4. The UTM Grid is often used when the VC are using captured Army Map Service Series maps.

5. VC Grid coordinates cannot be depended upon to first read right (to the east) and second, read up (to the north). This can be reversed.

Ô vuông VC và tọa độ ô vuông.

1. Ô vuông địa dư theo tiêu chuẩn kinh tuyến Ba-Lê thường được VC xử dụng trên bản đồ loại tỷ lệ 1:400.000 và nhỏ hơn. Ô vuông này có thể nhận định được bởi chữ "G" nhỏ (grade) dùng để thay thế cho độ "o". Ô vuông theo tiêu chuẩn kinh tuyến Ba-Lê được căn-cứ vào hệ thống 400 gờ-rát của đường tròn, trong khi đó ô vuông địa dư quốc tế căn-cứ vào hệ-thống 360° của đường tròn.

2. Ô vuông địa dư quốc tế trên bản đồ VC thường được gạch bởi những khúc tuyến ngoài đường cạnh của tờ bản đồ. Những khúc tuyến này là tỷ lệ xích biểu thị cho khoảng cách bằng phút.

3. Ô vuông được gạch trên bản đồ VC tương tự với hệ thống UTM, có những đặc tính như sau:

a. Khung vuông 100^{CS} được chỉ định bằng nhóm số độ trên bản đồ đính hậu và cùng phủ trên ô vuông địa dư (trên dưới 5.000th), cũng như tọa độ UTM chỉ định bằng nhóm chữ xanh trong cùng khung vuông.

b. Phần của tọa độ ô vuông chỉ: "đọc sang phải" (hoặc "đọc sang Đông") được xác định bởi nhóm ba số nhỏ tiếp đầu. Phần của tọa độ ô vuông chỉ: "đọc lên trên" (hoặc "đọc lên Bắc") được xác định bởi một hoặc hai số nhỏ tiếp đầu. Thù dụ: tọa độ ô vuông VC là 18559700 1064300; trong khi đó, tọa độ UTM sẽ là WR 59700 64300.

c. Dù cho sự chỉ định khung vuông 100^{CS} được biết rõ thì tọa độ ô vuông VC cũng không thể hoán chuyển đơn giản sang tọa độ UTM được, bởi hiện hữu tọa độ UTM đã đính rõ trong khung vuông 100 cây số. Và lại, da số bản đồ VC đã căn cứ vào bản đồ lỗi thời, không chính xác của Pháp.

d. Trên bản đồ VC trong VICT và vùng phụ cận thì hệ thống ô vuông (và ô vuông địa dư quốc tế) đều sai trục đôi-giác-tuyến phỏng định 1.400th về phía Tây Bắc trên một phương góc 325°; trong khi đó, khoảng cách của từng tuyến và phương góc biến thiên trong khu vực khác. Khoảng cách của từng tuyến và phương góc không cần thiết nếu bản đồ VC khả dụng và chỉ có giá trị khi nào phù trum trên tọa độ ô vuông mà VC phóng tác theo bản đồ cũ của Pháp có hệ thống UTM, cùng tỷ lệ và cùng khu vực.

4. Hệ thống UTM thường được VC xử dụng khi chúng bắt được loại bản đồ quân sự của số Đô-Bản Việt-Mỹ.

5. Tọa độ ô vuông VC không nhất thiết là trước hết phải đọc từ trái sang phải "(hay đọc sang Đông) sau đó, "đọc từ dưới lên trên" (hoặc "đọc lên Bắc") mà có thể được viết ngược lại.

